TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 25- 10 - 2018
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn
Các Thẩm phán: Huỳnh Văn Út
Nguyễn Thành Lập

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trọng Bằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2018/TLPT/HNGĐ ngày 21 tháng 09 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 58/2018/HNGĐ-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1986 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Lý T, sinh năm 1987 (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1953 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (Có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trần Hoàng A và ông Trần Văn Th: Luật gia Trương Minh Ch - Cộng tác viên trung tâm tư vấn pháp luật Cà Mau thuộc Hội luật gia tỉnh Cà Mau (Có mặt)

3. Ngân hàng Th (Ngân hàng A).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh H - Phó Giám đốc chi nhánh Năm Căn, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Hoàng A, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn Th, Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 01 năm 2018 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn anh Trần Hoàng A trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 2011 anh Trần Hoàng A và chị Nguyễn Lý T tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến đến hôn nhân, cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới gả, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, đến tháng 6 năm 2017 âm lịch phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân cha mẹ hai bên có hòa giải hàn gắn 01 lần nhưng không có kết quả. Nay hết tình cảm yêu cầu ly hôn, vì duy trì không có hạnh phúc.

Về con chung: Có 01 người tên Trần Thùy D, sinh ngày 01/05/2012 (nữ), sống chung với cha từ khi ly thân tới nay, khi ly hôn yêu cầu nuôi con chung.

Cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Bản thân không yêu cầu Tòa án giải quyết.Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T, không đồng ý vì tài sản không phải của vợ chồng mà anh chỉ đứng tên dùm cha mẹ ruột.

Nợ vay Ngân hàng Th chi nhánh C, vay có thế chấp phần đất NTTS, do cha mẹ vay thì cha mẹ có trách nhiệm trả nợ.

* Tại bản tự khai đề ngày 05/02/2018, đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung ngày 23/02/2018 và tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ý kiến, yêu cầu của bị đơn chị Nguyễn Lý T:

Chị T và anh Trần Hoàng A kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Khi kết hôn chung sống hạnh phúc, vợ chồng không có mâu thuẫn, do có cự cải với chị chồng nên vợ chồng mới có cự cải với nhau. Vợ chồng đã ra sống riêng, nhưng không biết vì lý do gì mà chồng tôi về nhà mẹ ruột sống bỏ tôi một mình ở nhà, trong khi đó điện nước đều cắt hết nên tôi mới về nhà cha mẹ ruột sống từ giữa tháng 7 năm 2017 đến nay. Cha mẹ đôi bên và địa phương chưa có hòa giải hôn nhân của tôi. Nay anh Hoàng A xin ly hôn tôi cũng đồng ý, vì tôi nghỉ duy trì không có hạnh phúc.

Con chung 01 người tên Trần Thùy D, sinh ngày 01/05/2012 (nữ), hiện tại sống chung với cha, khi ly hôn tôi có yêu cầu nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng có phần đất nuôi trồng thủy sản (NTTS) do anh Trần Hoàng A đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất, tọa lạc tại ấp 4 – xã T, hơn 03 héc ta. Nguồn gốc phần đất là của cha mẹ anh Hoàng A cho vợ chồng sau khi cưới, trên phần đất có căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2017, nguồn vốn vợ chồng bỏ ra một nửa, cha mẹ chồng bỏ ra một nửa. Trị giá nhà 350.000.000 đồng, còn giá trị phần đất bao nhiêu tôi không biết; ngoài ra vợ chồng còn 01 lượng vàng 24k hiện nay anh Hoàng A đang quản lý. Trường hợp ly hôn tôi yêu cầu chia ½ tài sản chung, chia giá trị bằng tiền.

Tại đơn yêu cầu gửi qua đường Bưu điện đề ngày 25/7/2018, Tòa án nhận ngày 26/07/2018 chị T rút lại đối với phần yêu cầu chia tài sản chung, để vợ chồng tự thỏa thuận.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H đồng trình bày: Ông bà nhận sang nhượng của ông Ngô Văn Ri một phần đất nuôi trồng thủy sản vào năm 2007, năm 2008 mới làm thủ tục để Trần Hoàng A đứng tên quyền sử dụng đất.

Năm 2011 ông bà cưới vợ cho Hoàng A, không có làm dâu, nhà xây dựng tháng 01 năm 2017, mục đích cất nhà để giữ 02 phần đất NTTS. Nhà xây dựng ngang 5m dài 19m nhà tiền chế, xây dựng 190.000.000 đồng, tiền xây nhà là ông bà tự bỏ ra và vay thêm Ngân hàng, đến nay mới trả Ngân hàng đủ.

Do có nhiều đất NTTS nên ông bà để cho con mỗi người đứng tên một phần đất nhưng trên thực tế thì chưa cho, vì thu nhập từ đất NTTS do ông bà quản lý.

Khi xây dựng nhà thì chị T có về cùng con gái ông bà nấu cơm cho thợ ăn được khoảng một tháng.

Đất NTTS và nhà là của ông bà nên không đồng ý chia, còn con của vợ chồng Hoàng A, Tưởng hiện nay đang ở với ông bà, nếu như muốn nuôi con thì ông bà giao lại không có ý kiến.

Đối với nợ Ngân hàng đã trả đủ gốc lãi, hiện nay giấy chứng nhận QSD đất vợ chồng Ông Th quản lý không có cầm cố thế chấp cho ai.

- Ngân hàng Th, người đại diện theo ủy quyền trình bày:Anh Trần Hoàng A đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và nhận lại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, nên Ngân hàng không còn quyền lợi trong vụ án.

Tại phiên tòa:

- Anh Trần Hoàng A vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, hiện nay cháu D sống chung với ông bà nội cháu ở Cà Mau. Trường hợp giao con cho chị T nuôi dưỡng thì đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật; chị T rút lại yêu cầu chia tài sản, anh không có ý kiến.

- Chị Nguyễn Lý T đồng ý ly hôn; yêu cầu nuôi con chung, chị không có bỏ con, giữa tháng 7 năm 2017 âm lịch sau khi ăn mừng nhà mới 02 ngày anh Hoàng A đem con về ông bà nội chơi sau đó không đem về, nhiều lần chị liên hệ để thăm cháu nhưng anh Hoàng A không có thiện chí cho gặp mặt. Nếu nói có điều kiện thì ai cũng có, do đó yêu cầu được nuôi cháu, yêu cầu cấp dưỡng theo pháp luật. Rút lại yêu cầu chia tài sản, để tự thỏa thuận phân chia.

- Ông Th, bà H đồng trình bày ý kiến: Việc chị T rút lại yêu cầu chia tài sản chung không có ý kiến, về việc ly hôn của vợ chồng Hoàng A không có ý kiến. Hiện nay cháu D là con của vợ chồng Hoàng A đang ở chung với ông bà tại Cà Mau, ông bà chăm sóc cháu từ nhỏ nên cũng mến tay mến chân, giả lại cháu bé cũng bệnh từ nhỏ đi bệnh viện suốt, hiện nay ba tháng phải tái khám một lần, ông bà có yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, chị T nhớ con muốn thăm lúc nào thì thăm ông bà không ngăn cản.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 58/2018/HNGĐ-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C Quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Hoàng A và chị Nguyễn Lý T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thùy D, sinh ngày 01 tháng 05 năm 2012 (nữ) cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị H giao cháu Trần Thùy D, sinh ngày 01 tháng 05 năm 2012 (nữ) cho chị T nuôi dưỡng và chăm sóc.

Anh Trần Hoàng A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: Buộc anh Trần Hoàng A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 695.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu bé tròn đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng A chậm cấp dưỡng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm cấp dưỡng.

3. Về chia tài sản: Nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/2018, anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Trần Thùy D cho anh Trần Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, các đương sự giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Trần Thùy D cho anh Trần Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về nuôi con chung: Hai đương sự xác định có một người con chung tên Trần Thùy D, sinh ngày 01 tháng 05 năm 2012 (nữ). Tại hồ sơ vụ án và lời bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Anh Trần Hoàng A hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thùy D, hiện nay anh Hoàng A còn chung sống với cha mẹ ruột là ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H nên Ông Th bà H cũng đang nuôi dưỡng cháu D với tư cách là ông bà.

Về nguyên tắc, khi quyết định giao con cho người trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Từ khi anh Hoàng A và chị T ly thân đến nay, cháu Trần Thùy D được anh Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu được học hành, được chăm sóc sức khỏe định kỳ (Do cháu D đang bị bệnh). Bên cạnh đó, cháu còn được sự chăm sóc, nuôi dưỡng, đùm bọc của ông bà, cuộc sống của cháu dần đi vào ổn định, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Như vậy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của anh Hoàng A là đảm bảo và có điều kiện. Án sơ thẩm buộc Ông Th bà H giao cháu D cho chị T nuôi và buộc anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con là không phù hợp, gây nên sự xáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống tâm lý của trẻ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn

Thị H, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng giao cháu Trần Thùy D cho anh Trần Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

[2] Về án phí phúc thẩm: Anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 58/2018/HNGĐ-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Hoàng A và chị Nguyễn Lý T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Thùy D, sinh ngày 01 tháng 05 năm 2012 (nữ) cho anh Trần Hoàng A nuôi dưỡng và chăm sóc. Chị Nguyễn Lý T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con không ai cản trở.

3. Về chia tài sản: Nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng anh Hoàng A phải chịu, có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015779 ngày 02 tháng 02 năm 2018 được đối chuyển thu.

Án phí chia tài sản chị T có nộp tạm ứng 2.416.250 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015803 ngày 26 tháng 02 năm 2018 được nhận lại toàn bộ.

Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Anh Trần Hoàng A, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H không phải chịu. Ngày 30/8/2018 Anh Trần Hoàng A nộp 300.000 đồng lai số 0016090, ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị H nộp 300.000 đồng lai số 0016089 được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn

THÀNH VIÊN HÔI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Út Nguyễn Thành lập Hồ Minh Tấn